

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2759/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 30 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến Kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg, ngày 29/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 29/3/2013 của UBND tỉnh Phú Thọ Ban hành Quy định thực hiện cơ chế "một cửa liên thông" trong giải quyết một số thủ tục đầu tư đối với một số dự án đầu tư ngoài các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Xét đề nghị của Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, được Chủ tịch UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2012.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Nội vụ, Chủ tịch UBND huyện, thành, thị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các Bộ: TNMT, Tư pháp;
- Cục Kiểm soát TTHC, Bộ Tư pháp;
- TTTU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT;
- Như điều 3;
- Sở Tư pháp (03b);
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- PVP (Ô. Xuyên);
- KT2, KT3, KT4, VX2;
- Lưu: VT, NC1 (37b).

CHỦ TỊCH

Chu Ngọc Anh

Phần A
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2759 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2013
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ)

I. DANH MỤC TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
I. Lĩnh vực: Đất đai.			
1		Thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân khi thực hiện các dự án theo cơ chế “Một cửa liên thông” quy định tại Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 29/03/2013 của UBND tỉnh	Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 29/3/2013 của UBND tỉnh Phú Thọ Ban hành Quy định thực hiện cơ chế "một cửa liên thông" trong giải quyết một số thủ tục đầu tư đối với một số dự án đầu tư ngoài các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.
2		Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất trong phạm vi 01 đơn vị hành chính cấp huyện theo cơ chế “Một cửa liên thông” quy định tại Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 29/03/2013 của UBND tỉnh	
II. Lĩnh vực: Môi trường			
1		Đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường theo cơ chế “Một cửa liên thông” quy định tại Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 29/03/2013 của UBND tỉnh	Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 29/3/2013 của UBND tỉnh Phú Thọ Ban hành Quy định thực hiện cơ chế "một cửa liên thông" trong giải quyết một số thủ tục đầu tư đối với một số dự án đầu tư ngoài các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

**II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL Quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC
I. Lĩnh vực: Môi trường			
1		Phê duyệt dự án cải tạo phục hồi môi trường	- Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg, ngày 29/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.
2		Phê duyệt dự án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung	- Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg, ngày 29/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

Phần B
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA UBND CẤP HUYỆN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2013
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ)*

I. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

1. Thủ tục: Thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân khi thực hiện các dự án theo cơ chế “Một cửa liên thông” quy định tại Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 29/03/2013 của UBND tỉnh.

a. Trình tự thực hiện:

Bộ phận "Một cửa liên thông" - Sở Kế hoạch và Đầu tư nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, bộ phận tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức hoàn thiện lại, nếu hồ sơ đó đủ thì tiếp nhận, viết giấy hẹn trả kết quả.

- Trong ngày làm việc, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ đến Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện.

- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, Phòng Tài nguyên và Môi trường hoàn thành việc thẩm định, lập Tờ trình trình UBND huyện Quyết định thu hồi đất và trả hồ sơ cho Bộ phận một cửa để trả cho Bộ phận "Một cửa liên thông" - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND huyện

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND huyện

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ :

- Tờ trình của UBND xã, phường;

- Danh sách các hộ có đất bị thu hồi;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc một trong các loại giấy tờ sau:

+ Những giấy tờ về quyền được sử dụng đất đai trước ngày 15/10/1993 do cơ quan có thẩm quyền cấp trong quá trình thực hiện đất đai của Nhà nước VNDCCH, Chính phủ cánh mạng lâm thời

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc có tên trong sổ đăng ký ruộng đất, sổ địa chính;

+ Giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất;

+ Giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nhà ở gắn liền với đất ở trước ngày 15/10/1993 nay được UBND xã, phường, thị trấn xác nhận đã sử dụng

trước ngày 15/10/1993;

+ Giấy tờ thanh lý, hoá giá nhà ở gắn liền với đất ở theo quy định của Pháp luật.

+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất.

+ Hộ gia đình, hộ gia đình, cá nhân được sử dụng đất tho bản án hoặc quyết định của Toà án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án, quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của cơ quan nhà nước có thẩm quyền...

- Trích lục bản đồ thu hồi đất của các hộ gia đình, hộ gia đình, cá nhân;

- Bản vẽ thu hồi đất tổng thể;

- Các giấy tờ xác nhận của UBND xã, phường về nguồn gốc sử dụng đất.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết:

- Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Hộ gia đình, cá nhân

e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- UBND cấp huyện.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định hành chính.

h. Phí, lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

- Nghị định 181/2004/NĐ - CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành

Luật Đất đai;

- Nghị định 84/2007NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp GCNQSD đất, thu hồi đất, thực hiện quyền SD đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

- Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

- Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất;

- Quyết định số 3997/2009/QĐ-UBND ngày 20/11/2009 của UBND tỉnh Phú Thọ ban hành quy định cụ thể một số điểm về quản lý, sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

- Nghị quyết số 227/2010/NQ-HĐND, kỳ họp thứ XVI của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ về mức thu, tỷ lệ điều tiết khoản thu lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Nghị quyết số 19/2011/NQ-HĐND, kỳ họp thứ XVII của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ Bổ sung quy định mức thu, tỷ lệ điều tiết khoản thu lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất tại Nghị quyết số 227/2010/NQ-HĐND ngày 14/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 29/03/2013 ban hành Quy định thực hiện cơ chế “một cửa liên thông” trong giải quyết một số thủ tục đầu tư đối với một số dự án đầu tư ngoài các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

*** Nội dung TTHC sửa đổi, bổ sung :**

- Công bố bổ sung TTHC do thông kê thiếu.

2. Thủ tục: Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất trong phạm vi 01 đơn vị hành chính cấp huyện theo cơ chế “Một cửa liên thông” quy định tại Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 29/03/2013 của UBND tỉnh.

a. Trình tự thực hiện:

- Bộ phận "Một cửa liên thông" - Sở Kế hoạch và Đầu tư nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện để chuyển hồ sơ đến phòng Tài nguyên và Môi trường và có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, nếu chưa đúng, chuyển lại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để yêu cầu hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời hạn 9 ngày làm việc, Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, lập Tờ trình trình UBND huyện Quyết định.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể kể từ ngày nhận được Tờ trình kèm theo văn bản thẩm định Phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư của Phòng Tài nguyên và môi trường, UBND cấp huyện quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND huyện.

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - UBND huyện

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình xin phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, kèm theo Phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư.

- Báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp của người có đất bị thu hồi.

- Các tài liệu liên quan bao gồm:

+ Hồ sơ kiểm kê, tổng hợp gồm : Biên bản kiểm kê và dự toán kinh phí của từng hộ; bảng tổng hợp kinh phí; Bảng tổng hợp diện tích đất thu hồi (có thể hiện tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi).

+ Bản sao giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất của người có đất bị thu hồi; sổ hộ khẩu của các hộ gia đình có đất bị thu hồi; các loại chứng từ, sổ sách liên quan đến đất và tài sản gắn liền với đất làm căn cứ tính toán, xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ và các giấy tờ khác có liên quan (nếu có).

Trường hợp thu hồi đất đối với các tổ chức (cơ quan nhà nước, tổ chức sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức tôn giáo...) thì chủ sở hữu tài sản phải xuất trình toàn bộ hồ sơ sổ sách, quyết toán tài sản vật kiến trúc có liên quan làm cơ sở để kiểm tra xác định giá trị còn lại của tài sản, tính toán bồi thường.

Trường hợp đặc thù nếu không còn hồ sơ, chứng từ, sổ sách, thì thực hiện theo phương pháp kiểm kê thực tế khi tính toán giá trị bồi thường.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết:

- Không quá 11 ngày (làm việc) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ. Đối tượng thực hiện:

- Tổ chức;

- Hộ gia đình, cá nhân.

e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính;

h. Phí, lệ phí:

- Lệ phí thẩm định phương án bồi thường: không quá 10% tổng mức chi phí làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

- Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 187/2004/NĐ-CP về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần;

- Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

- Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

- Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất;

- Quyết định số 1467/2011/QĐ-UBND ngày 27/4/2011 của UBND tỉnh Phú Thọ ban hành quy định, đơn giá bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thực hiện khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 29/03/2013 ban hành quy định thực hiện cơ chế “một cửa liên thông” trong giải quyết một số thủ tục đầu tư đối với một số dự án đầu tư ngoài các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

*** Nội dung TTHC sửa đổi, bổ sung :**

- Công bố bổ sung TTHC do thống kê thiếu.

II. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

1. Thủ tục Đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường theo cơ chế “Một cửa liên thông” quy định tại Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 29/03/2013 của UBND tỉnh:

a. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định;
- Tổ chức nộp hồ sơ tại Bộ phận “một cửa liên thông” - Sở Kế hoạch và Đầu tư. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra hồ sơ:
 - + Nếu hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn trả kết quả.
 - + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức bổ sung hoàn thiện hồ sơ.
- Trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, Bộ phận một cửa liên thông chuyển hồ sơ cho UBND cấp huyện. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, UBND cấp huyện ban hành văn bản thông báo chấp nhận bản đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường. trường hợp không chấp nhận, UBND cấp huyện có văn bản trả lời, nêu rõ lý do..
- Tổ chức nhận kết quả tại Bộ phận một cửa liên thông - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Lưu ý: Trường hợp dự án nằm trên địa bàn của 02 (hai) huyện trở lên, chủ dự án cần tiến hành đánh giá, so sánh và tự lựa chọn Ủy ban nhân dân cấp huyện có địa bàn quản lý chịu tác động lớn nhất bởi dự án để gửi hồ sơ đề nghị đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường.

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa liên thông – Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Ba (03) bản cam kết bảo vệ môi trường với hình thức trang bìa, trang phụ bìa; cấu trúc và yêu cầu về nội dung thực hiện theo mẫu;
- Một (01) dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi) có chữ ký (ghi rõ họ tên, chức danh) của người đại diện có thẩm quyền và đóng dấu (nếu có) của cơ quan chủ dự án.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết:

- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính :

- Tổ chức;
- Cá nhân.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo.

h. Phí, lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu bìa và trang phụ bìa của bản cam kết bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư (Theo Phụ lục 5.1- Ban hành kèm theo Thông tư 26/2011/TT-BTNMT).

- Cấu trúc và nội dung của bản cam kết bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư (Theo Phụ lục 5.2 - Ban hành kèm theo Thông tư 26/2011/TT-BTNMT).

- Cấu trúc và nội dung của bản cam kết bảo vệ môi trường đối với đề xuất hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thuộc đối tượng phải lập dự án đầu tư (Theo Phụ lục 5.3 - Ban hành kèm theo Thông tư 26/2011/TT-BTNMT).

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 ngày có hiệu lực 01/7/2006;

- Nghị định số 80/2006/ NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 21/2008/ NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/ 2006/NĐ-CP;

- Nghị định số 29/2011/NĐ-CP, ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

- Thông tư 26/2011/TT-BTNMT, ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định 29/2011/NĐ-CP, ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường.

- Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 29/03/2013 ban hành quy định thực hiện cơ chế “một cửa liên thông” trong giải quyết một số thủ tục đầu tư đối với một số dự án đầu tư ngoài các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

*** Nội dung TTHC sửa đổi, bổ sung :**

- Công bố bổ sung TTHC do thống kê thiếu.

PHỤ LỤC 5.1
MẪU BÌA VÀ TRANG PHỤ BÌA CỦA BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI
TRƯỜNG ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường)

(Tên cơ quan chủ quản/phê duyệt dự án (nếu có))
(chủ dự án)

BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án (1)

CƠ QUAN CHỦ DỰ ÁN (*)
(Đại diện có thẩm quyền của
chủ dự án ký, ghi họ tên, đóng
dấu) (**)

CƠ QUAN TƯ VẤN
LẬP BẢN CAM KẾT (*) (nếu có)
(Đại diện có thẩm quyền của đơn vị,
ghi họ tên, đóng dấu)

Tháng... năm 20...

Ghi chú:

(1) Tên Dự án;

(*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bì;

(**) Chỉ bắt buộc đóng dấu nếu chủ dự án là pháp nhân.

PHỤ LỤC 5.2**CẤU TRÚC VÀ YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG CỦA BẢN CAM KẾT BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

(Địa danh nơi thực hiện dự án), ngày... tháng... năm...

Kính gửi : (1)

Chúng tôi là: (2)

Địa chỉ:

Xin gửi đến quý (1) bản cam kết bảo vệ môi trường để đăng ký với các nội dung sau đây:

I. Thông tin chung

1.1. Tên dự án đầu tư: nêu đúng tên gọi của dự án như trong dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương).

1.2. Tên doanh nghiệp, cơ quan chủ dự án: ...

1.3. Địa chỉ liên hệ của doanh nghiệp, cơ quan chủ dự án: ...

1.4. Người đứng đầu doanh nghiệp, cơ quan chủ dự án: ...

1.5. Phương tiện liên lạc với doanh nghiệp, cơ quan chủ dự án: (số điện thoại, số Fax, E-mail ...).

1.6. Địa điểm thực hiện dự án

Mô tả vị trí địa lý (tọa độ theo quy chuẩn hiện hành, ranh giới) của địa điểm thực hiện dự án kèm theo sơ đồ minh họa chỉ rõ các đối tượng tự nhiên (sông ngòi, ao hồ, đường giao thông ...), các đối tượng về kinh tế - xã hội (khu dân cư, khu đô thị; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; công trình văn hóa, tôn giáo, di tích lịch sử...), hiện trạng sử dụng đất trên diện tích đất của dự án và các đối tượng khác xung quanh khu vực dự án.

Chỉ rõ đâu là nguồn tiếp nhận nước thải, khí thải của dự án kèm theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành áp dụng đối với các nguồn này.

1.7. Quy mô sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

Nêu tóm lược về quy mô/công suất sản xuất; công nghệ sản xuất; liệt kê danh mục các thiết bị, máy móc kèm theo tình trạng của chúng.

1.8. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu sử dụng

- Nhu cầu về nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất được tính theo ngày, tháng hoặc năm và phương thức cung cấp.

- Nhu cầu và nguồn cung cấp điện, nước cho sản xuất.

Yêu cầu:

- *Đối với dự án, phương án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động quy định tại điểm b khoản 1 Điều 45 Thông tư này, nội dung của phần I Phụ lục này cần phải bổ sung: thông tin về cơ sở*

đang hoạt động, đặc biệt là các thông tin liên quan các công trình, thiết bị, hạng mục, công nghệ sẽ được tiếp tục sử dụng hoặc loại bỏ hoặc thay đổi, điều chỉnh, bổ sung.

- Đối với dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 45 Thông tư này, trong nội dung của phần I Phụ lục này, cần làm rõ hiện trạng thi công các hạng mục công trình của dự án, thể hiện rõ các thông tin về những thay đổi liên quan đến địa điểm, quy mô, công suất.

II. Các tác động môi trường

2.1. Các loại chất thải phát sinh

2.1.1. Khí thải: ...

2.1.2. Nước thải: ...

2.1.3. Chất thải rắn: ...

2.1.4. Chất thải khác: ...

Đối với mỗi loại chất thải phải nêu đủ các thông tin về: nguồn phát sinh, tổng lượng phát sinh trên một đơn vị thời gian, thành phần chất thải và hàm lượng/nồng độ của từng thành phần.

2.2. Các tác động khác

Nêu tóm tắt các tác động (nếu có) do: sự xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; sự xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; sự bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ; sự thay đổi mực nước mặt, nước dưới đất; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; sự biến đổi vi khí hậu; sự suy thoái các thành phần môi trường; sự biến đổi đa dạng sinh học và các yếu tố khác.

III. Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực

3.1. Xử lý chất thải

- Mỗi loại chất thải phát sinh đều phải có kèm theo biện pháp xử lý tương ứng, thuyết minh về mức độ khả thi, hiệu suất/hiệu quả xử lý. Trong trường hợp không thể có biện pháp hoặc có nhưng khó khả thi trong khuôn khổ của dự án phải nêu rõ lý do và có kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

- Phải có chứng minh rằng, sau khi áp dụng biện pháp thì các chất thải sẽ được xử lý đến mức nào, có so sánh, đối chiếu với các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành. Trường hợp không đáp ứng được yêu cầu quy định thì phải nêu rõ lý do và có những kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

3.2. Giảm thiểu các tác động khác

Mỗi loại tác động phát sinh đều phải có kèm theo biện pháp giảm thiểu tương ứng, thuyết minh về mức độ khả thi, hiệu suất/hiệu quả xử lý. Trong trường hợp không thể có biện pháp hoặc có nhưng khó khả thi trong khuôn khổ của dự án thì phải nêu rõ lý do và có kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

Yêu cầu:

- Đối với dự án đầu tư quy định tại điểm b khoản 1 Điều 45 Thông tư này, nội dung của phần III Phụ lục này cần phải nêu rõ kết quả của việc áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường của cơ sở đang hoạt động và phân tích các nguyên nhân của các kết quả đó.

- Đối với dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 45 Thông tư này, trong nội dung của phần III Phụ lục này, cần nêu rõ các thay đổi về biện pháp giảm thiểu tác động

xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

IV. Các công trình xử lý môi trường, chương trình giám sát môi trường

4.1. Các công trình xử lý môi trường

- Liệt kê đầy đủ các công trình xử lý môi trường đối với các chất thải rắn, lỏng, khí và chất thải khác trong khuôn khổ của dự án; kèm theo tiến độ thi công cụ thể cho từng công trình;

- Các công trình xử lý môi trường phải được làm rõ về chủng loại, đặc tính kỹ thuật, số lượng cần thiết.

4.2. Chương trình giám sát môi trường

Đòi hỏi phải giám sát lưu lượng/tổng lượng thải và giám sát những thông số ô nhiễm đặc trưng cho chất thải của dự án theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam, với tần suất tối thiểu 01 lần/06 tháng. Các điểm giám sát phải được thể hiện cụ thể trên sơ đồ với chú giải rõ ràng và tọa độ theo quy chuẩn hiện hành.

Yêu cầu: Đối với dự án đầu tư quy định tại điểm b khoản 1 Điều 45 Thông tư này, nội dung của mục 4.1 Phụ lục này cần phải nêu rõ hiện trạng các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường hiện có của cơ sở đang hoạt động và mối liên hệ của các công trình này với hệ thống công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án cải tạo, nâng cấp, nâng công suất.

V. Cam kết thực hiện

Cam kết về việc thực hiện các biện pháp xử lý chất thải, giảm thiểu tác động khác nêu trong bản cam kết; cam kết xử lý đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về môi trường; cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Chủ dự án

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện việc đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường; (2) Tên tổ chức, cá nhân chủ dự án.

PHỤ LỤC 5.3

CẤU TRÚC VÀ YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG CỦA BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG PHẢI LẬP DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(Địa điểm), ngàytháng năm 20.....

Kính gửi : (1)

Chúng tôi là: (2)

Địa chỉ:

Xin gửi đến quý (1) bản cam kết bảo vệ môi trường để đăng ký với các nội dung sau đây:

BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

I. Cam kết của chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

1.1. Chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường của Luật Bảo vệ môi trường, các văn bản dưới luật và các quy định riêng (nếu có) tại địa phương. Trong quá trình thực hiện, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

1.2. Cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường được nêu dưới đây và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường có liên quan.

1.3. Chúng tôi xin đảm bảo độ chính xác của các thông tin và nội dung điền trong bản cam kết bảo vệ môi trường này.

II. Thông tin cơ bản về hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

2.1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

2.2. Địa điểm dự kiến triển khai hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

2.3. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; sản phẩm và số lượng

2.4. Diện tích mặt bằng cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (m²):

2.5. Nguyên liệu, phụ liệu, phụ gia, hóa chất, dung môi, chất bảo quản, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ và các nguyên vật liệu khác sẽ được sử dụng trong quá trình sản xuất; nhu cầu sử dụng từng loại:

2.6. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu: dầu, than, củi, gas (tấn/năm); điện (kW/ tháng):

Phần C. Các tác động môi trường và các biện pháp giảm thiểu trong giai đoạn thi công xây dựng

Yếu tố gây tác động	Tình trạng		Biện pháp giảm thiểu	Cam kết	
	Có	Không		Có	Không
Khí thải từ các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công			Sử dụng phương tiện, máy móc thi công đã qua kiểm định		
			Sử dụng loại nhiên liệu ít gây ô nhiễm		
			Định kỳ bảo dưỡng phương tiện, thiết bị		
			Biện pháp khác		
Bụi			Xây dựng tường ngăn, phun nước để giảm bụi tại công trường thi công		
			Biện pháp khác		
Tiếng ồn			Định kỳ bảo dưỡng thiết bị		
			Xây tường chống ồn xung quanh khu vực gây ồn		
			Biện pháp khác		
Nước thải sinh hoạt			Có biện pháp thu gom, xử lý sơ bộ trước khi thải ra môi trường		
			Có biện pháp thu gom và thuê đơn vị có chức năng xử lý theo quy định		
			Biện pháp khác		
Nước mưa chảy tràn			Có hệ thống rãnh thu nước, hố ga thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn trước khi thoát ra môi trường		
			Thu gom và tái sử dụng		
Chất thải rắn xây dựng			Thu gom để tái chế hoặc tái sử dụng		
			Đổ thải đúng tại các địa điểm quy định của địa phương		
Chất thải rắn sinh hoạt			Thu gom, hợp đồng với cơ quan có chức năng để xử lý		
			Đốt		
			Biện pháp khác		
Các yếu tố gây mất an toàn lao động			Trang bị các trang thiết bị bảo hộ lao động cần thiết cho người lao động		
			Biện pháp khác		
Các yếu tố gây ảnh hưởng, gián đoạn tới hoạt động sản xuất và xã hội			Lên kế hoạch cho từng hoạt động, báo cáo với cộng đồng địa phương để được hỗ trợ về thông tin công cộng trong trường hợp gây ra ảnh hưởng		
			Biện pháp khác		

Phần D. Các tác động môi trường và các biện pháp giảm thiểu trong giai đoạn hoạt động

Yếu tố gây tác động	Tình trạng		Biện pháp giảm thiểu	Cam kết	
	Có	Không		Có	Không
Khí thải			Lắp đặt ống khói với chiều cao cho phép		
			Lắp đặt quạt thông gió với bộ lọc không khí ở cuối đường ống		
			Tiết kiệm nhiên liệu sử dụng		
			Biện pháp khác		
Bụi			Xây dựng tường ngăn, phun nước để giảm bụi		
			Lắp đặt hệ thống hút bụi		
			Biện pháp khác		
Mùi			Lắp đặt quạt thông gió		
			Biện pháp khác		
Tiếng ồn			Định kỳ bảo dưỡng thiết bị		
			Xây tường ngăn cách âm để giảm tiếng ồn		
			Biện pháp khác		
Nhiệt độ cao xung quanh khu vực sản xuất			Lắp đặt quạt thông gió		
			Biện pháp khác		
Nước thải sinh hoạt			Xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung		
			Xử lý đáp ứng QCVN trước khi thải ra môi trường		
			Biện pháp khác		
Nước thải từ hệ thống làm mát			Thu gom và tái sử dụng		
			Biện pháp khác		
Nước thải từ quá trình sản xuất			Thu gom nước thải (bể, ao, hồ, kênh...)		
			Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sản xuất		
			Xử lý nước thải đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định trước khi thải ra nguồn nước		
			Biện pháp khác		

Chất thải rắn		Thu gom chất thải rắn (khu chứa rác)		
Chất thải rắn vô cơ		Thu gom để tái chế hoặc tái sử dụng		
		Hợp đồng với cơ quan chức năng để thu gom		
		Đốt		
		Biện pháp khác		
Chất thải rắn hữu cơ		Làm phân compost, biogas, tái sử dụng		
		Hợp đồng với cơ quan có chức năng để thu gom		
		Biện pháp khác		
Các yếu tố gây mất an toàn lao động		Trang bị các trang thiết bị bảo hộ lao động cần thiết cho người lao động		
		Biện pháp khác		
Các yếu tố gây ảnh hưởng, gián đoạn tới hoạt động sản xuất và xã hội		Lên kế hoạch cho từng hoạt động sản xuất, báo cáo với cộng đồng địa phương để được hỗ trợ về thông tin công cộng trong trường hợp gây ra ảnh hưởng		
		Biện pháp khác		
Các yếu tố gây phiền toái và nguy cơ đối với sức khỏe cộng đồng		Bố trí khu vực sản xuất cách khu vực đông dân cư xa nhất có thể		
		Biện pháp khác		
Các yếu tố gây nguy cơ cháy, nổ		Trang bị, lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy		

CHỦ CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cấp xã được ủy quyền tổ chức thực hiện việc đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường; (2) Tên tổ chức, cá nhân chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.